

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1970;

Cư trú tại: Tổ 2, ấp N, xã TT, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1962;

Cư trú tại: Tổ 5, ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà và ông Bùi Tiến D tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bà và ông D không hợp nhau về tính cách, ông D sống không có trách nhiệm với gia đình, bà và ông D thường xuyên cự cãi với nhau. Bà N đã sống ly thân với ông D từ năm 2011 cho đến nay. Bà N yêu cầu được ly hôn ông D.

Về con chung: Bà và ông D có một con chung tên Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2010, hiện nay cháu V đang sống cùng bà N, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Tiến D trình bày:

Ông D thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích N về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông D đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích N, giao con chung tên Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2010 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con. Ông D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N, bị đơn ông Bùi Tiến D vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D là vợ chồng.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2010, ghi nhận bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông D.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D chung sống như vợ chồng từ năm 2008 đến nay có đủ điều kiện thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Nhưng bà N và ông D không thực hiện là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông D, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà N và ông D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D thống nhất có một con chung là cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2010, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V. Xét thấy hiện nay cháu V đang sống cùng bà N, ông D cũng đồng ý để cháu V sống cùng bà N. Do đó giao bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nhằm đảm bảo quyền lợi cho cháu V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông D đã hiểu về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp và không trực tiếp nuôi con nhưng bà N vẫn không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu V là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2010. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu ông Bùi Tiến D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Bùi Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, bà Nguyễn Thị Bích N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Ông Bùi Tiến D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004995 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Bùi Tiến D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tuấn